

Phụ lục II**NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN**

(Kèm theo Công văn số **15** /SGDDT-GDTrH ngày **10** tháng 02 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

**I. MÔN TOÁN**

Đề thi gồm có 5 bài.

Bài 1. (1,5 điểm) Biến đổi đồng nhất và hàm số.

Chọn một hoặc một số trong các chủ đề:

- Căn bậc hai, bậc ba; các phép tính về căn thức.
- Rút gọn; chứng minh đẳng thức.
- Các bài toán về hàm số và đồ thị.

Bài 2. (1,5 điểm) Số học.

Chọn một hoặc một số trong các chủ đề:

- Số chính phương; số nguyên tố; hợp số.
- Phép chia hết; phép chia có dư.
- Ước và bội của hai hay nhiều số.
- Phương trình nghiệm nguyên.
- Lý thuyết đồng dư.
- Nguyên tắc cực hạn; nguyên lý Di-rich-lê; các bài toán suy luận logic.

Bài 3. (2,5 điểm) Phương trình, hệ phương trình và bất đẳng thức.

Chọn một hoặc một số trong các chủ đề:

- Phương trình; hệ phương trình.
- Phương trình quy về bậc hai.
- Phương trình không mẫu mực.
- Phương trình, hệ phương trình có chứa tham số.
- Hệ thức Vi-et và các ứng dụng.
- Bất đẳng thức; giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất.

Bài 4. (3,5 điểm) Hình học.

Chọn một hoặc một số trong các chủ đề:

- Các bài toán về chứng minh.
- Các bài toán về tính toán.
- Xác định vị trí của điểm, của đường thỏa mãn tính chất cho trước.
- Bất đẳng thức Hình học và cực trị Hình học.



- Hình học tổ hợp (các bài toán rời rạc; cực hạn; Di-rich-lê và một số hình có tính chất đặc biệt).

Bài 5. (1,0 điểm) Bài toán tổng hợp.

- Bài tập nâng cao thuộc chương trình toán THCS.
- Các bài toán thực tế, liên môn.

II. MÔN NGỮ VĂN

Đề gồm 02 câu:

Câu 1. Nghị luận xã hội (3,0 điểm): Yêu cầu viết một bài văn hoàn chỉnh nghị luận về một hiện tượng đời sống hoặc một vấn đề về tư tưởng, đạo lí.

Câu 2. Nghị luận văn học (7,0 điểm): Nội dung, yêu cầu như đề thi vào lớp 10 không chuyên văn nhưng ở mức độ cao hơn, có cả các văn bản đọc thêm và văn bản văn học nước ngoài trong chương trình Ngữ văn THCS; có thêm dạng đề nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

III. MÔN TIẾNG ANH

1. Phần thi bài thi viết: (7.5 pts)

1.1. Thời gian thi: 150 phút

1.2. Hình thức đề thi: Đề thi gồm có hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan

1.3. Cấu trúc đề thi:

Đề thi gồm các phần sau:

PART A: LISTENING (2.0 pts)

3 sections/ 20 questions

Types of questions: Listen and match/ number/ tick/ complete/ choose the correct option/ give short answers, ...

PART B: READING COMPREHENSION (3.0 pts)

3 sections/ 30 questions

Types of questions: Read and tick/ complete/ select the correct option/ rearrange the information/ find the right information/ answer the questions/summarize, ...

PART C: WRITING (2 sections) (2.5 pts)

- Summarizing a paragraph/ a passage, ...;
- Writing an essay.

2. Phần thi kỹ năng nói: (2.5 pts)

Thời gian thi Nói: 8 phút/ thí sinh (05 phút chuẩn bị và 03 phút trình bày).

Thí sinh trình bày quan điểm/ ý kiến và đưa ra giải pháp đối với những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn liên quan các chủ đề trong chương trình Tiếng Anh THCS (không bao gồm các nội dung đã được giảm tải).

X.
S
ÁO
ĐÀO
UANG

IV. MÔN VẬT LÝ

1. Cấu trúc đề

TT	Nội dung	Số điểm	Số câu
1	Cơ học	2,0	1
2	Nhiệt học	2,0	1
3	Điện học – Điện từ học	4,0	2
4	Quang học	2,0	1
Tổng		10 điểm	5

2. Những nội dung trọng tâm

2.1. Cơ học

2.1.1. Chuyển động cơ học

- Chuyển động đều: Tính vận tốc, quãng đường, thời gian chuyển động.
- Chuyển động không đều: Tính vận tốc trung bình, quãng đường, thời gian chuyển động.

2.1.2. Áp suất, áp lực.

2.1.3. Áp suất chất lỏng, lực đẩy Ác-si-met trong chất lỏng, điều kiện nổi của vật, máy nén thủy lực.

2.1.4. Các máy cơ đơn giản.

2.1.5. Công cơ học, công suất.

2.2. Nhiệt học

2.2.1. Công thức tính nhiệt lượng: Bài tập vận dụng công thức tính nhiệt lượng.

2.2.2. Phương trình cân bằng nhiệt: Bài tập vận dụng phương trình cân bằng nhiệt.

2.3. Điện học- Điện từ học

2.3.1. Định luật Ôm cho một đoạn mạch.

2.3.2. Đoạn mạch nối tiếp, đoạn mạch song song, mạch điện hỗn hợp.

2.3.3. Mạch điện có biến trở.

2.3.4. Công suất điện: tính công suất tiêu thụ của dụng cụ điện, bài tập cực trị về công suất.

2.3.5. Công của dòng điện, hiệu suất của mạch điện.

2.3.6. Định luật Jun – Lenxơ.

2.3.7. Truyền tải điện năng đi xa.

2.3.8. Máy biến thế.

2.4. Quang học

2.4.1. Sự truyền thẳng của ánh sáng: vùng bóng tối, vùng nửa tối.

2.4.2. Sự phản xạ ánh sáng trên gương phẳng, hệ gương phẳng.

2.4.3. Bài tập về thấu kính hội tụ, thấu kính phân kì, hệ thấu kính, hệ Thấu kính –
Gương phẳng.

V. MÔN HÓA HỌC

TT	Nội dung	Số điểm
1	Viết phương trình hóa học giải thích hiện tượng, tiến trình thí nghiệm	1,0
2	Bài tập về cấu tạo nguyên tử, tính theo công thức hóa học.	1,0
3	Điều chế chất vô cơ, thực hiện sơ đồ chuyển hóa chất vô cơ	1,0
4	Nhận biết, phân biệt, tách, tinh chế các chất vô cơ	1,0
5	Bài tập về độ tan, nồng độ dung dịch	1,0
6	Bài tập về kim loại, phi kim, các loại hợp chất vô cơ	1,0
7	Bài tập tổng hợp kiến thức hóa vô cơ	1,0
8	Bài tập nhận biết, điều chế chất hữu cơ, thực hiện sơ đồ chuyển hóa chất hữu cơ.	1,0
9	Bài tập hidrocacbon	1,0
10	Bài tập tổng hợp kiến thức hóa hữu cơ	1,0
	Tổng	10 điểm

VI. MÔN SINH HỌC

TT	Nội dung	Số điểm
1	Tính quy luật của hiện tượng di truyền	2,0
2	Cơ chế di truyền và biến dị	5,0
3	Di truyền người và ứng dụng di truyền học	1,0
4	Sinh thái	2,0
	Tổng	10 điểm

VII. MÔN LỊCH SỬ

1. Nội dung, chương trình giáo dục phổ thông hiện hành môn Lịch sử 9.

2. Cấu trúc đề:

Câu 1 (1,5 điểm) Lịch sử thế giới (lớp 9).

Câu 2 (2,0 điểm) Lịch sử Việt Nam (lớp 9).

Câu 3 (2,0 điểm) Lịch sử Việt Nam (lớp 9).

Câu 4 (3,0 điểm) Lịch sử Việt Nam (lớp 9).

Câu 5 (1,5 điểm) Lịch sử thế giới (lớp 9).

VIII. MÔN ĐỊA LÝ

Câu	Nội dung	Số điểm	Ghi chú
Câu 1	Trái Đất	2,0	Địa lí 6
Câu 2	Địa lí tự nhiên Việt Nam	2,0	Địa lí 8
Câu 3	Địa lí dân cư Việt Nam	1,0	Địa lí 9
Câu 4	- Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam - Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam	2,0	Địa lí 9
Câu 5	Kỹ năng địa lí (bảng số liệu, biểu đồ)	3,0	Địa lí 9
	Tổng	10	